TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số:649/2024/DS-PT Ngày: 27/12/2024 V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Tính.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Phong, Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 514/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 243/2024/DS-ST ngày 29/7/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 631/2024/QĐXXPT-DS ngày 21/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thu M**, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Dương Thanh N**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Dương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu M trình bày:

Vào năm 2018, chị Dương Thị T là hụi viên có tham gia dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch do chị làm chủ hụi, hụi 5.000.000 đồng, bốn tháng khui một lần, hụi gồm 17 phần, chị T tham gia chơi 01 phần, trong danh sách

hụi ghi tên là "T", chị T đã hốt hụi vào lần khui thứ nhất, chị đã giao tiền hụi đầy đủ cho chị T với số tiền 49.700.000 đồng, nhưng chị T không thực hiện đóng hụi chết hàng tháng cho chị. Như vậy chị T còn nợ chị 1 lần hụi với số tiền là 80.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị T phải trả số tiền 80.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn chị Dương Thị T trình bày:* Chị thừa nhận chị có tham gia dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch nêu trên do chị M làm chủ hụi, trong danh sách hụi tên là T, chị tham gia 01 phần và đã hốt hụi vào lần khui hụi đầu tiên. Nhưng sau khi hốt hụi, chị đã giao số tiền hụi 49.700.000 đồng cho anh Dương Thanh N là chồng chị M, anh N kêu chị hốt hụi giùm và hứa sẽ đóng hụi lại cho chị M, từ khi hốt hụi cho đến nay chị không có đóng hụi cho chị M. Nay chị không đồng ý trả chị M số tiền 80.000.000 đồng do chị không còn nợ tiền hụi chị M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Thanh N trình bày:* Anh không có nhận số tiền 49.700.000 đồng từ chị T. Ngày 06/02/2018 âm lịch anh đi làm và không có mặt tại nhà, anh cũng không có đến nhà cha mẹ anh. Ngoài ra, anh không có tham gia dây hụi ngày 15/01/2018 âm lịch nêu trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 243/2024/DS-ST ngày 29/7/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu M.

Buộc chị Dương Thị T có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị Thu M số tiền 80.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Huỳnh Thị Thu M số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015065 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 07 tháng 8 năm 2024, bị đơn chị Dương Thị T có đơn kháng cáo chị Dương Thị T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 243/2024/DS-ST ngày 29/07/2024 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn chị Dương Thanh T1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu M.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu M không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Dương Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bị đơn chị Dương Thị T là không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu M yêu cầu chị Dương Thị T phải hoàn trả lại cho chị số tiền hụi là 80.000.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 29/7/2024, Tòa án huyện C ban hành bản án số 243/2024/DS-ST đến ngày 06/8/2024, bị đơn chị Dương Thị T nộp đơn kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của chị T còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Chị Dương Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu M, xét thấy:

[3.1]. Về nội dung hợp đồng góp hụi: Chị M và chị T thống nhất, chị T có tham gia một phần hụi trong dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, bốn tháng khui một lần, hụi gồm 17 phần, chị T đã hốt hụi vào lần khui thứ nhất với số tiền 49.700.000 đồng, chị M đã giao đủ tiền cho chị T nhưng chị T không thực hiện đóng hụi. Chị T còn nợ 16 lần hụi với số tiền là 16 x 5.000.000 đồng = 80.000.000 đồng, hiện tại dây hụi trên đã mãn. Như vậy, chị M kiện đòi chị T trả số tiền nợ hụi 80.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2]. Xét ý kiến của chị T cho rằng chị hốt hụi thay cho anh N là chồng chị M, anh N kêu chị T hốt hụi thay và hứa sẽ đóng hụi lại cho chị M nên chị T không đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng cho chị M là không có căn cứ. Bởi lẽ, anh N không thừa nhận nội dung như chị T nêu, thực tế anh N không có tham gia dây hụi khui ngày 15/01/2018 âm lịch do chị M làm thảo hụi có chị T tham gia. Mặc khác, chị M không đồng ý theo ý kiến chị T nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh chị hốt hụi thay anh N, đã giao tiền cho anh N và giữa anh N, chị T cùng chị M có thỏa thuận, anh N phải có nghĩa vụ đóng hụi cho chị M thay cho chị T. Ngoài ra, nếu chị T có chứng cứ chứng minh chị đã giao cho anh

N số tiền 49.700.000 đồng thì xác định đây là giao dịch riêng giữa chị T và anh N không có sự đồng ý của chị M nên không thể buộc anh N đóng hụi cho chị M khi người tham gia chơi hụi và hốt hụi là chị T. Như vậy, kháng cáo của chị T là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị T không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 243/2024/DS-ST ngày 29/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu M. Buộc chị Dương Thị T có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị Thu M số tiền 80.000.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3. Về án phí dân sư sơ thẩm:

Chị Dương Thị T phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Huỳnh Thị Thu M số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015065 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015677 ngày 07/8/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, vậy chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2023-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính